TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA

**KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN NIÊM YẾT VÀ LẬP BIÊN BẢN KẾT THÚC VIỆC THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI**

Căn cứ theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường tiểu học Chính Nghĩa thực hiện theo khung thời gian sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Công khai lần 1** | | **Công khai lần 2** | |
| *Ngày 1/6* | *Ngày 30/6* | *Ngày 1/9* | *Ngày 30/9* |
| **Nội dung thực hiện** | Thực hiện công khai 4 biểu mẫu bằng hình thức niêm yết bản tin và cập nhật lên trang web điện tử của nhà trường.  Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện 3 công khai | Lập biên bản kết thúc tình hình thực hiện 3 công khai | Thực hiện công khai 4 biểu mẫu bằng hình thức niêm yết bản tin và cập nhật lên trang web điện tử của nhà trường.  Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện 3 công khai | Lập biên bản kết thúc tình hình thực hiện 3 công khai |
| **Lưu ý** | *Cập nhật theo số liệu cuối năm học* | | *Cập nhật theo số liệu đầu năm học tiếp theo.* | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5       **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ……/QĐ- CN                                                  *Quận 5, ngày  25  tháng  8 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai trong nhà trường theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và thông tư 61/2017/TT-BTC**

**Năm học 2018 – 2019**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

Căn cứ Điều lệ Trường tiểu học Ban kèm Thông tư  số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tao;

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “ Ban hành Qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai trong nhà trường  theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 61/2017/TT-BTC năm học 2018 – 2019 gồm các ông ( bà) có tên sau đây ( Danh sách đính kèm)

**Điều 2**. Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ chính  xác các nội dung và tiến hành công khai theo quy  định của thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT vàThông tư số 61/2017/TT-BTC.

Nhiệm vụ của các thành viên do trưởng ban phân công.

**Điều 3**. Các ông ( bà) có tên tại Điều 1 và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận***

- Như điều 1( t/h);

- Lưu VT.

**Trần Quang Nhiên**

**DANH SÁCH**

**Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai trong nhà trường**

**Năm học 2018- 2019**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số …/QĐ-CN ngày 25 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường tiểu học Chính Nghĩa)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** |
| 1 | *Ông* Trần Quang Nhiên | Hiệu trưởng | Trưởng ban |
| 2 | *Ông* Huỳnh Thế Nhã | Phó Hiệu trưởng | P. Trưởng ban |
| 3 | *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung | Phó Hiệu trưởng | P. Trưởng ban |
| 4 | *Bà* Trần Thị Cẩm Vân | Kế toán | Thành viên |
| 5 | *Ông* Nguyễn Minh Hiền | Chủ tịch công đoàn  cơ sở | Thành viên |
| 6 | *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên | Bí thư chi đoàn | Thành viên |
| 7 | *Bà* Phan Thị Thu Linh | Trưởng ban thanh tra nhân dân trường học | Thành viên |
| 8 | *Bà* Nguyễn Thị Bảo Châu | Thư ký hội đồng | Thành viên |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5       **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
  
 Số: ……/KH- CN                                                  *Quận 5, ngày  25 tháng  8 năm 2018*

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017**

**và Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017**

**Năm học 2018 – 2019**

Thực hiện Thông tư 36/ 2017/TT- BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc ban hành Qui chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và thông tư 61/2017/TT- BTC,  Trường Tiểu học Phú Tân xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện công khai tại cơ sở giáo dục, năm học 2018-2019 cụ thể như sau:

**1. Mục đích thực hiện công khai:**

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục để người học các thành viên trong nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng tính tự chủ và tự chiu trách nhiệm của nhà trường trong quản lí nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

**2. Nội dung thực hiện công khai:**

Thực hiên công khai đối với nhà trường áp dụng theo nội dung quy định tại chương III của Quy chế công khai:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (biểu mẫu 5&6)

- Kết quả đánh giá Mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

- Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (biểu mẫu 7&8).

- Công khai thu chi tài chính:

- Thực hiện như quy định tại điểm a,b,c, của khoản 3, Điều 5 của Quy chế công khai theo thông tư 36, công khai khoản 1; 2; 3 điều 3 của thông tư 61.

- Mức thu học phí buổi 2 và các khoản thu phục vụ bán trú, tiền ăn  theo từng tháng

Chính sánh học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

**3. Hình thức và thời điểm công khai:**

\* Đối với các nội dung quy định tại mục III:

Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường sau khi kết thúc năm học (tháng 6 hàng năm) và cập nhật bổ sung vào thời điểm năm học mới (tháng 9), hoặc khi có sự thay đổi nội dung liên quan.

Công khai tài chính theo tháng, quý.

Niêm yết công khai tại bảng thông  báo (cổng 67 Phù Đổng Thiên Vương) đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem.

\* Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 5 của Quy chế theo thông tư 36, nhà trường thực hiện công khai như sau:

Niêm yết công khai tại bảng thông báo nhà trường và phổ biến trong cuộc họp cha mẹ HS đầu năm, công khai trong phiên họp hội đồng.

**4. Tổ chức thực hiện:**

Trưởng ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiên Quy chế công khai năm học trước và kế hoạch thực hiện công chế công khai năm học tiếp theo cho cơ quan quản lý giáo dục cấp trên chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra(Quy định tại điều 10 của Quy chế công khai) và cơ quan chủ quản trước ngày 30/9 hàng năm.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường(Quy định tại Điều 10 của Quy chế)

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 05 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì và tổ chức kiểm tra bằng hình thức sau đây:

Công khai trong cuộc họp hội đồng CB-GV-NV nhà trường.

Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho CBGVNV và cha mẹ học sinh, phụ huynh nhân dân theo dõi, xem xét việc thực hiện Quy chế công khai của nhà trường.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**  
**Hiệu trưởng**

***Nơi nhận:***  
- Các thành viên BCĐ (t/h);  
- Thông báo HĐ;  
- Lưu VT.

**Trần Quang Nhiên**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5       **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
  
 Số: ……/QĐ- CN                                                  *Quận 5, ngày  25  tháng  8 năm 2018*

**PHÂN CÔNG NHIÊM VỤ**

**Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai**  
**trong nhà trường năm học 2018 – 2019**

*(Kèm theo Quyết định số ……/QĐ-CN,ngày  25/8/2018 của HT trường TH Chính Nghĩa)*

Căn cứ Quyết định số ……/QT-CN, ngày 25/8/2018 của Hiệu trưởng trường tiểu học Chính Nghĩa về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai trong nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 và thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Hiệu trưởng ( Trưởng ban chỉ đạo) phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo như sau:

1/ *Ông* Trần Quang Nhiên Hiệu trưởng

2/ *Ông* Huỳnh Thế Nhã Phó Hiệu trưởng

3/ *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung Phó Hiệu trưởng

4/ *Bà* Trần Thị Cẩm Vân Kế toán

5/ *Ông* Nguyễn Minh Hiền Chủ tịch công đoàn cơ sở

6/ *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên Bí thư chi đoàn

7/ *Bà* Phan Thị Thu Linh Trưởng ban thanh tra nhân dân trường học

8/ *Bà* Nguyễn Thị Bảo Châu Thư ký hội đồng

1. *Ông* Trần Quang Nhiên - Hiệu trưởng- Trường ban: phụ trách chung.

2 . *Ông* Huỳnh Thế Nhã - Phó Hiệu trưởng – Phó trưởng ban: Phụ trách chính nội dung 2, công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

3. *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung -Phó Hiệu trưởng  – Phó trưởng ban: Phụ trách chính nội dung 1, công khai cam kết chất lượng giáo dục và giáo dục thực tế

4. *Bà* Trần Thị Cẩm Vân - Kế toán  – Thành viên: Phụ trách chính nội dung 3 công khai thu, chi tài chính.

5. *Ông* Nguyễn Minh Hiền - Chủ tịch công đoàn cơ sở – Thành viên: Phụ trách chính việc giám sát thực hiện kế hoạch, Quy chế công khai trong nhà trường theo quy định.  
6. *Bà* Nguyễn Thị Bảo Châu - Thư ký hội đồng : tổng hợp các biểu mẫu công khai; ghi biên bản niêm yết, Phụ trách chính việc niêm yết công khai theo quy định.

7. *Bà* Phan Thị Thu Linh - Trưởng ban thanh tra nhân dân trường học – Thành viên: Phụ trách chính việc kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch, Quy chế công khai trong nhà trường theo quy định; Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiên Quy chế công khai cho CMHS và các thành viên thuộc khối 1; 2; 3.

8. *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên - Bí thư chi đoàn – Thành viên: Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho CMHS và các thành viên thuộc khối 4; 5; tổ bộ môn; tổ văn phòng.

Yêu cầu các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; chủ động liên hệ, trao đổi giữa các thành viên trong Ban chỉ đạo, xin ý kiến của đồng chí Trưởng ban để thống nhất nội dung công việc nhằm thực hiện tốt Quy chế công khai trong nhà trường đúng quy định./.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**

**Hiệu trưởng**

***Nơi nhận:***  
-Các thành viên BCĐ (t/h);  
-Lưu VT.

**Trần Quang Nhiên**

**Biểu mẫu 05**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2018 – 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Nội dung** | **Chia theo khối lớp** | | | | | |
| **Lớp 1** | **Lớp 2** | | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** |
| **I** | | **Điều kiện tuyển sinh** | 401 | 375 | | 293 | 383 | 402 |
| **II** | | **Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện** | Bộ GD-ĐT | Bộ GD-ĐT | | Bộ GD-ĐT | Bộ GD-ĐT | Bộ GD-ĐT |
| **III** | | **Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh** | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 6 môn | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 6 môn | | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 6 môn | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 9 môn | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 9 môn |
| **IV** | | **Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục** | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần | | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần |
| **V** | | **Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được** | 100% đạt loại trung bình trở lên | 100% đạt loại trung bình trở lên | | 100% đạt loại trung bình trở lên | 100% đạt loại trung bình trở lên | 100% đạt loại trung bình trở lên |
| **VI** | | **Khả năng học tập tiếp tục của học sinh** | Được lên lớp 2 | Được lên lớp 3 | | Được lên lớp 4 | Được lên lớp 5 | Được hoàn thành chương trình bậc tiểu học |
|  | | | | Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2019 **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Quang Nhiên** | | | |

**Biểu mẫu 06**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2018 – 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số | Chia ra theo khối lớp | | | | | | |
| Lớp 1 | | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | |
| **I** | **Tổng số học sinh** | 1854 | 401 | | 375 | 293 | 383 | 402 | |
| **II** | **Số học sinh học 2 buổi/ngày** | 1854 | 401 | | 375 | 293 | 383 | 402 | |
| **III** | **Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất** | 1854 | 401 | | 375 | 293 | 383 | 402 | |
| 1 | *Tốt*  *(tỷ lệ so với tổng số)* | 1754  94,6% | 388  96,8% | | 326  86,9% | 285  97,3% | 367  95,8% | 388  96,5% | |
| 2 | *Đạt*  *(tỷ lệ so với tổng số)* | 100  5,4% | 13  3,2% | | 49  13,1% | 8  2,7% | 16  4,2% | 14  3,5% | |
| 3 | *Cần cố gắng*  *(tỷ lệ so với tổng số)* | / | / | | / | / | / | / | |
| **IV** | **Số học sinh chia theo kết quả học tập** | 1854 | 401 | | 375 | 293 | 383 | 402 | |
| 1 | *Hoàn thành tốt*  *(tỷ lệ so với tổng số)* | 1119  60,4 % | 227  56,6% | | 238  63,5% | 166  56,7% | 205  53,5% | 283  70,4% | |
| 2 | *Hoàn thành*  *(tỷ lệ so với tổng số)* | 733  39,5% | 172  42,9% | | 137  36,5% | 127  43,3% | 178  46,5% | 119  29,6% | |
| 3 | *Chưa hoàn thành*  *(tỷ lệ so với tổng số)* | 2  0,1% | 2  0,5% | | / | / | / | / | |
| **V** | **Tổng hợp kết quả cuối năm** | 1854 | 401 | | 375 | 293 | 383 | 402 | |
| 1 | Lên lớp  (tỷ lệ so với tổng số) | 1852  (99.9%) | 399  (99.5%) | | 375  (100%) | 293  (100%) | 383  (100%) | 402  (100%) | |
| a | *Trong đó:*  *HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)* | 1852  (99.9%) | 399  (99.5%) | | 375  (100%) | 293  (100%) | 383  (100%) | 402  (100%) | |
| b | *HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| 2 | Ở lại lớp  (tỷ lệ so với tổng số) | 2  (0.1%) | 2  (0.5%) | | / | / | / | / | |
|  | | | | Quận 5, ngày 1 tháng 6 năm 2019 **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Quang Nhiên** | | | | |

**Biểu mẫu 07**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2018 – 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Bình quân** |
| **I** | **Số phòng học/số lớp** | 55/49 | Số m2/học sinh |
| **II** | **Loại phòng học** |  | - |
| 1 | Phòng học kiên cố | 55 | - |
| 2 | Phòng học bán kiên cố |  | - |
| 3 | Phòng học tạm |  | - |
| 4 | Phòng học nhờ, mượn |  | - |
| **III** | **Số điểm trường lẻ** | 1 | - |
| **IV** | **Tổng diện tích đất** (m2) | 3941 |  |
| **V** | **Diện tích sân chơi, bãi tập** (m2) | 898 |  |
| **VI** | **Tổng diện tích các phòng** | 2424 |  |
| 1 | Diện tích phòng học (m2) | 2000 |  |
| 2 | Diện tích thư viện (m2) | 90 |  |
| 3 | *Diện tích phòng đa năng (m2)* | / |  |
| 4 | *Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m2)* | 56 |  |
| 5 | *Diện tích phòng ngoại ngữ (m2)* | 107 |  |
| 6 | *Diện tích phòng học tin học (m2)* | 80 |  |
| 7 | *Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m2)* | 61 |  |
| 8 | *Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m2)* | / |  |
| 9 | *Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m2)* | 30 |  |
| **VII** | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)49 |  | Số bộ/lớp |
| 1 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định | 49 |  |
| 1.1 | Khối lớp 1 | 10 |  |
| 1.2 | Khối lớp 2 | 10 |  |
| 1.3 | Khối lớp 3 | 9 |  |
| 1.4 | Khối lớp 4 | 10 |  |
| 1.5 | Khối lớp 5 | 10 |  |
| 2 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định |  |  |
| 2.1 | Khối lớp 1 | / |  |
| 2.2 | Khối lớp 2 | / |  |
| 2.3 | Khối lớp 3 | / |  |
| 2.4 | Khối lớp 4 | / |  |
| 2.5 | Khối lớp 5 | / |  |
| **VIII** | **Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ) | 80 | Số học sinh/bộ |
| **IX** | **Tổng số thiết bị dùng chung khác** |  | Số thiết bị/lớp |
| 1 | Ti vi | 36 |  |
| 2 | Cát xét | 10 |  |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa | 32 |  |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | 34 |  |
| 5 | Thiết bị khác... |  |  |
| 6 | ….. |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nội dung | | Số lượng(m2) | | | |
| **X** | **Nhà bếp** | | 228 | | | |
| **XI** | **Nhà ăn** | | / | | | |
|  | | Nội dung | | Số lượng phòng, tổng diện tích (m2) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
| **XII** | | **Phòng nghỉ cho học sinh bán trú** | | / | / | / |
| **XIII** | | **Khu nội trú** | |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **XIV** | **Nhà vệ sinh** | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Số m2/học sinh | |
|  | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | 2 |  | 6 |  |  |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* |  |  |  |  |  |

*(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | | Có | Không |
| **XV** | **Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh** | | x |  |
| **XVI** | **Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)** | |  | x |
| **XVII** | **Kết nối internet** | | x |  |
| **XVIII** | **Trang thông tin điện tử (website) của trường** | | x |  |
| **XIX** | **Tường rào xây** | | x |  |
|  | | Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2019 **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Quang Nhiên** | | |

**Biểu mẫu 08**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2018 – 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | | *Tổng số* | *Trình độ đào tạo* | | | | | | | *Hạng chức danh nghề nghiệp* | | | *Chuẩn nghề nghiệp* | | | | |
| TS | ThS | | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV | Hạng III | Hạng II | Xuất sắc | Khá | Trung bình | | Kém |
| **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | | 92 |  | 2 | | 50 | 17 | 5 | 19 | 5 | 24 | 36 | 53 | 8 |  | |  |
| **I** | **Giáo viên** | | 62 |  |  | | 47 | 15 |  |  | 5 | 24 | 33 | 50 | 8 |  | |  |
| Trong đó số giáo viên chuyên biệt: | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 1 | Tiếng dân tộc | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 2 | Ngoại ngữ | | 5 |  |  | | 4 | 1 |  |  |  | 1 | 3 | 5 |  |  | |  |
| 3 | Tin học | | 1 |  |  | | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  | |  |
| 4 | Âm nhạc | | 1 |  |  | |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  | |  |
| 5 | Mỹ thuật | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 6 | Thể dục | | 3 |  |  | | 1 | 2 |  |  |  |  |  | 3 |  |  | |  |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | | 3 |  | 2 | | 1 |  |  |  |  |  | 3 | 3 |  |  | |  |
| 1 | Hiệu trưởng | | 1 |  | 1 | |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  | |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | | 2 |  | 1 | | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |  |  | |  |
| **III** | **Nhân viên** | | 27 |  |  | | 3 | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 1 | Nhân viên văn thư | | 1 |  |  | |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 2 | Nhân viên kế toán | | 1 |  |  | | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 3 | Thủ quỹ | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 4 | Nhân viên y tế | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 5 | Nhân viên thư viện | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 6 | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 7 | Nhân viên công nghệ thông tin | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 8 | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 9 | Nhân viên khác | | 27 |  |  | | 2 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  | | | | Quận 5, ngày 01 tháng 6 năm 2019 **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Quang Nhiên** | | | | | | | | | | |

**Biểu mẫu 05**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2019 – 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Nội dung** | **Chia theo khối lớp** | | | | | |
| **Lớp 1** | **Lớp 2** | | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** |
| **I** | | **Điều kiện tuyển sinh** | **326** | **411** | | **378** | **293** | **381** |
| **II** | | **Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện** | Bộ GD-ĐT | Bộ GD-ĐT | | Bộ GD-ĐT | Bộ GD-ĐT | Bộ GD-ĐT |
| **III** | | **Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh** | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 6 môn | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 6 môn | | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 6 môn | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 9 môn | - Qua sổ liên lạc, họp phụ huynh  - Học sinh học đủ 9 môn |
| **IV** | | **Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục** | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần | | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần | - CLB đội nhóm  - Tham qua dã ngoại  - Sinh hoạt đầu tuần |
| **V** | | **Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được** | 100% đạt loại trung bình trở lên | 100% đạt loại trung bình trở lên | | 100% đạt loại trung bình trở lên | 100% đạt loại trung bình trở lên | 100% đạt loại trung bình trở lên |
| **VI** | | **Khả năng học tập tiếp tục của học sinh** | Được lên lớp 2 | Được lên lớp 3 | | Được lên lớp 4 | Được lên lớp 5 | Được hoàn thành chương trình bậc tiểu học |
|  | | | | Quận 5, ngày 01 tháng 9 năm 2019 **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Quang Nhiên** | | | |

**Biểu mẫu 06**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2019 – 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số | Chia ra theo khối lớp | | | | | | |
| Lớp 1 | | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | |
| **I** | **Tổng số học sinh** | **1789** | **326** | | **411** | **378** | **293** | **381** | |
| **II** | **Số học sinh học 2 buổi/ngày** | **1789** | **326** | | **411** | **378** | **293** | **381** | |
| **III** | **Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất** | **1789** | **326** | | **411** | **378** | **293** | **381** | |
| 1 | *Tốt*  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| 2 | *Đạt*  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| 3 | *Cần cố gắng*  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| **IV** | **Số học sinh chia theo kết quả học tập** | **1789** | **326** | | **411** | **378** | **293** | **381** | |
| 1 | *Hoàn thành tốt*  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| 2 | *Hoàn thành*  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| 3 | *Chưa hoàn thành*  *(tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| **V** | **Tổng hợp kết quả cuối năm** | **1789** | **326** | | **411** | **378** | **293** | **381** | |
| 1 | Lên lớp  (tỷ lệ so với tổng số) |  |  | |  |  |  |  | |
| a | *Trong đó:*  *HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| b | *HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)* |  |  | |  |  |  |  | |
| 2 | Ở lại lớp  (tỷ lệ so với tổng số) |  |  | |  |  |  |  | |
|  | | | | Quận 5, ngày 1 tháng 9 năm 2019 **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Quang Nhiên** | | | | |

**Biểu mẫu 07**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2019 – 2020**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Bình quân** |
| **I** | **Số phòng học/số lớp** | 55/49 | Số m2/học sinh |
| **II** | **Loại phòng học** |  | - |
| 1 | Phòng học kiên cố | 55 | - |
| 2 | Phòng học bán kiên cố |  | - |
| 3 | Phòng học tạm |  | - |
| 4 | Phòng học nhờ, mượn |  | - |
| **III** | **Số điểm trường lẻ** | 1 | - |
| **IV** | **Tổng diện tích đất** (m2) | 3941 |  |
| **V** | **Diện tích sân chơi, bãi tập** (m2) | 898 |  |
| **VI** | **Tổng diện tích các phòng** | 2424 |  |
| 1 | Diện tích phòng học (m2) | 2000 |  |
| 2 | Diện tích thư viện (m2) | 90 |  |
| 3 | *Diện tích phòng đa năng (m2)* | / |  |
| 4 | *Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m2)* | 56 |  |
| 5 | *Diện tích phòng ngoại ngữ (m2)* | 107 |  |
| 6 | *Diện tích phòng học tin học (m2)* | 80 |  |
| 7 | *Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m2)* | 61 |  |
| 8 | *Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m2)* | / |  |
| 9 | *Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m2)* | 30 |  |
| **VII** | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)49 |  | Số bộ/lớp |
| 1 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định | 49 |  |
| 1.1 | Khối lớp 1 | 10 |  |
| 1.2 | Khối lớp 2 | 10 |  |
| 1.3 | Khối lớp 3 | **10** |  |
| 1.4 | Khối lớp 4 | **9** |  |
| 1.5 | Khối lớp 5 | 10 |  |
| 2 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định |  |  |
| 2.1 | Khối lớp 1 | / |  |
| 2.2 | Khối lớp 2 | / |  |
| 2.3 | Khối lớp 3 | / |  |
| 2.4 | Khối lớp 4 | / |  |
| 2.5 | Khối lớp 5 | / |  |
| **VIII** | **Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ) | 80 | Số học sinh/bộ |
| **IX** | **Tổng số thiết bị dùng chung khác** |  | Số thiết bị/lớp |
| 1 | Ti vi | 36 |  |
| 2 | Cát xét | 10 |  |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa | 32 |  |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | 34 |  |
| 5 | Thiết bị khác... |  |  |
| 6 | ….. |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nội dung | | Số lượng(m2) | | | |
| **X** | **Nhà bếp** | | 228 | | | |
| **XI** | **Nhà ăn** | | / | | | |
|  | | Nội dung | | Số lượng phòng, tổng diện tích (m2) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
| **XII** | | **Phòng nghỉ cho học sinh bán trú** | | / | / | / |
| **XIII** | | **Khu nội trú** | |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **XIV** | **Nhà vệ sinh** | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Số m2/học sinh | |
|  | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | 2 |  | 6 |  |  |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* |  |  |  |  |  |

*(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | | Có | Không |
| **XV** | **Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh** | | x |  |
| **XVI** | **Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)** | |  | x |
| **XVII** | **Kết nối internet** | | x |  |
| **XVIII** | **Trang thông tin điện tử (website) của trường** | | x |  |
| **XIX** | **Tường rào xây** | | x |  |
|  | | Quận 5, ngày 01 tháng 9 năm 2019 **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Quang Nhiên** | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5  **TRƯỜNG TH CHÍNH NGHĨA**   |  | | --- | |  | |  |  |   Số:     /BC-CN  V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai theo TT số 36/2017/TT-BGDĐT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**   |  | | --- | |  | |  |  |     *Quận 5, ngày 1  tháng 6  năm 2019* |

 Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5.

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Trường tiểu học Chính Nghĩa báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2018-2019 và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học 2019-2020 như sau:

**1. Tình hình thực hiện công khai năm học 2018-2019:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **NỘI DUNG CÔNG KHAI** | **ĐÃ THỰC HIỆN CÔNG KHAI** | | **CHƯA THỰC HIỆN CÔNG KHAI** |
| **ĐÚNG QUY ĐỊNH** | **CHƯA ĐÚNG QUY ĐỊNH** |
| **1** | **Công khai cam kết chất lượng giáo dục** |  |  |  |
|  | Nội dung công khai | x |  |  |
|  | Hình thức công khai | x |  |  |
|  | Thời điểm công khai | x |  |  |
| **2** | **Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông** |  |  |  |
|  | Nội dung công khai | x |  |  |
|  | Hình thức công khai | x |  |  |
|  | Thời điểm công khai | x |  |  |
| **3** | **Công khai thông tin cơ sở vật chất** |  |  |  |
|  | Nội dung công khai | x |  |  |
|  | Hình thức công khai | x |  |  |
|  | Thời điểm công khai | x |  |  |
| **4** | **Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên** |  |  |  |
|  | Nội dung công khai | x |  |  |
|  | Hình thức công khai | x |  |  |
|  | Thời điểm công khai | x |  |  |
| **5** | **Công khai thu, chi tài chính** |  |  |  |
|  | Nội dung công khai | x |  |  |
|  | Hình thức công khai | x |  |  |
|  | Thời điểm công khai | x |  |  |

**2. Kế hoạch triển khai quy chế công khai năm học 2019-2020:**

a) Nội dung công khai:

\* Công khai cam kết chất lượng giáo dục và phối hợp cùng với gia đình học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục:

- Chất lượng giáo dục thực tế: Số học sinh xếp loại theo năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm.

- Chất lượng bữa ăn bán trú cho học sinh toàn trường, đảm bảo tiêu chuẩn, khẩu phần cho HS.

- Trường được công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 từ năm học 2013.Hiện nay trường đang chuẩn bị thành lập hội đồng tự đánh giá để đăng kí tái kiểm định chất lượng sau 5 năm được công nhận.

\* Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng CS giáo dục:

- Cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.

\* Công khai về tài chính:

- Thực hiện như quy định tại điểm a, c,d,đ, khoản 3 Điều 4 của quy chế này.

- Mức thu theo đúng quy định.

b) Hình thức công khai:

- Niêm yết công khai tại trường, thông qua họp cha mẹ học sinh.

c) Thời điểm công khai:

- Thời điểm công bố tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9).

**3. Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị đề xuất:**

a) Thuận lợi:

- Qua việc thực hiện quy chế công khai giúp cho nhà trường đánh giá những điểm mạnh, tìm ra những điểm yếu có biện pháp cải tiến để nâng chất lượng giáo dục.

- Đội ngũ giáo viên đều trên chuẩn 100%.

- Trường có hệ thống nhà vệ sinh khang trang, sạch sẽ đáp ứng được nhu cầu của GV và HS.

- Hệ thống bếp ăn đúng quy trình một chiều và thực hiện được bữa ăn theo thực đơn của Sở GD-ĐT.

b) Khó khăn:

- Các phòng học của trường không đủ chuẩn diện tích theo quy định (do đây là cơ sở của Hội quán hiến tặng sau 30/4/1975) nên việc thực hiện đổi mới phương pháp cũng bị ảnh hưởng phần nào.

- Thiếu diện tích sân chơi.

c) Kiến nghị, đề xuất:

- Xin được xây dựng khu vực cổng 67 Phù Đổng Thiên Vương lên nhiều tầng để có một số phòng học đúng chuẩn.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**Trần Quang Nhiên**

**Biểu mẫu 08**

**UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2019 – 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | | *Tổng số* | *Trình độ đào tạo* | | | | | | | *Hạng chức danh nghề nghiệp* | | | *Chuẩn nghề nghiệp* | | | | |
| TS | ThS | | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV | Hạng III | Hạng II | Xuất sắc | Khá | Trung bình | | Kém |
| **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | | 92 |  | 2 | | 50 | 17 | 5 | 19 | 5 | 24 | 36 | 53 | 8 |  | |  |
| **I** | **Giáo viên** | | 62 |  |  | | 47 | 15 |  |  | 5 | 24 | 33 | 50 | 8 |  | |  |
| Trong đó số giáo viên chuyên biệt: | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 1 | Tiếng dân tộc | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 2 | Ngoại ngữ | | 5 |  |  | | 4 | 1 |  |  |  | 1 | 3 | 5 |  |  | |  |
| 3 | Tin học | | 1 |  |  | | 1 |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  | |  |
| 4 | Âm nhạc | | 1 |  |  | |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  | |  |
| 5 | Mỹ thuật | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 6 | Thể dục | | 3 |  |  | | 1 | 2 |  |  |  |  |  | 3 |  |  | |  |
| **II** | **Cán bộ quản lý** | | 3 |  | 2 | | 1 |  |  |  |  |  | 3 | 3 |  |  | |  |
| 1 | Hiệu trưởng | | 1 |  | 1 | |  |  |  |  |  |  | 1 | 1 |  |  | |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | | 2 |  | 1 | | 1 |  |  |  |  |  | 2 | 2 |  |  | |  |
| **III** | **Nhân viên** | | 27 |  |  | | 3 | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 1 | Nhân viên văn thư | | 1 |  |  | |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 2 | Nhân viên kế toán | | 1 |  |  | | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 3 | Thủ quỹ | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 4 | Nhân viên y tế | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 5 | Nhân viên thư viện | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 6 | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 7 | Nhân viên công nghệ thông tin | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 8 | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
| 9 | Nhân viên khác | | 27 |  |  | | 2 | 1 |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  | | | | Quận 5, ngày 01 tháng 9 năm 2019 **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Quang Nhiên** | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5       **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ……/QĐ- CN                                                  *Quận 5, ngày  26  tháng  8 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai trong nhà trường theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và thông tư 61/2017/TT-BTC**

**Năm học 2019 – 2020**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA**

Căn cứ Điều lệ Trường tiểu học Ban kèm Thông tư  số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tao;

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “ Ban hành Qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai trong nhà trường  theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 61/2017/TT-BTC năm học 2018 – 2019 gồm các ông ( bà) có tên sau đây ( Danh sách đính kèm)

**Điều 2**. Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, hoàn thành đầy đủ chính  xác các nội dung và tiến hành công khai theo quy  định của thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT vàThông tư số 61/2017/TT-BTC.

Nhiệm vụ của các thành viên do trưởng ban phân công.

**Điều 3**. Các ông ( bà) có tên tại Điều 1 và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận***

- Như điều 1( t/h);

- Lưu VT.

**Trần Quang Nhiên**

**DANH SÁCH**

**Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai trong nhà trường**

**Năm học 2019- 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số …/QĐ-CN ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường tiểu học Chính Nghĩa)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ** |
| 1 | *Ông* Trần Quang Nhiên | Hiệu trưởng | Trưởng ban |
| 2 | *Ông* Huỳnh Thế Nhã | Phó Hiệu trưởng | P. Trưởng ban |
| 3 | *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung | Phó Hiệu trưởng | P. Trưởng ban |
| 4 | *Bà* Trần Thị Cẩm Vân | Kế toán | Thành viên |
| 5 | *Ông* Nguyễn Minh Hiền | Chủ tịch công đoàn  cơ sở | Thành viên |
| 6 | *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên | Bí thư chi đoàn | Thành viên |
| 7 | *Bà* Phan Thị Thu Linh | Trưởng ban thanh tra nhân dân trường học | Thành viên |
| 8 | *Bà* Nguyễn Thị Bảo Châu | Thư ký hội đồng | Thành viên |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5       **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
  
 Số: ……/KH- CN                                                  *Quận 5, ngày  26  tháng  8 năm 2019*

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017**

**và Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2017**

**Năm học 2019 – 2020**

Thực hiện Thông tư 36/ 2017/TT- BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc ban hành Qui chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và thông tư 61/2017/TT- BTC,  Trường Tiểu học Phú Tân xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện công khai tại cơ sở giáo dục, năm học 2018-2019 cụ thể như sau:

**1. Mục đích thực hiện công khai:**

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục để người học các thành viên trong nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai cơ sở giáo dục nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng tính tự chủ và tự chiu trách nhiệm của nhà trường trong quản lí nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

**2. Nội dung thực hiện công khai:**

Thực hiên công khai đối với nhà trường áp dụng theo nội dung quy định tại chương III của Quy chế công khai:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế (biểu mẫu 5&6)

- Kết quả đánh giá Mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

- Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (biểu mẫu 7&8).

- Công khai thu chi tài chính:

- Thực hiện như quy định tại điểm a,b,c, của khoản 3, Điều 5 của Quy chế công khai theo thông tư 36, công khai khoản 1; 2; 3 điều 3 của thông tư 61.

- Mức thu học phí buổi 2 và các khoản thu phục vụ bán trú, tiền ăn  theo từng tháng

Chính sánh học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

**3. Hình thức và thời điểm công khai:**

\* Đối với các nội dung quy định tại mục III:

Công khai trên trang thông tin điện tử nhà trường sau khi kết thúc năm học (tháng 6 hàng năm) và cập nhật bổ sung vào thời điểm năm học mới (tháng 9), hoặc khi có sự thay đổi nội dung liên quan.

Công khai tài chính theo tháng, quý.

Niêm yết công khai tại bảng thông  báo (cổng 67 Phù Đổng Thiên Vương) đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem.

\* Đối với nội dung quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 5 của Quy chế theo thông tư 36, nhà trường thực hiện công khai như sau:

Niêm yết công khai tại bảng thông báo nhà trường và phổ biến trong cuộc họp cha mẹ HS đầu năm, công khai trong phiên họp hội đồng.

**4. Tổ chức thực hiện:**

Trưởng ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo; tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiên Quy chế công khai năm học trước và kế hoạch thực hiện công chế công khai năm học tiếp theo cho cơ quan quản lý giáo dục cấp trên chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra(Quy định tại điều 10 của Quy chế công khai) và cơ quan chủ quản trước ngày 30/9 hàng năm.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường(Quy định tại Điều 10 của Quy chế)

Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 05 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì và tổ chức kiểm tra bằng hình thức sau đây:

Công khai trong cuộc họp hội đồng CB-GV-NV nhà trường.

Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho CBGVNV và cha mẹ học sinh, phụ huynh nhân dân theo dõi, xem xét việc thực hiện Quy chế công khai của nhà trường.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**  
**Hiệu trưởng**

***Nơi nhận:***  
- Các thành viên BCĐ (t/h);  
- Thông báo HĐ;  
- Lưu VT.

**Trần Quang Nhiên**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5       **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC CHÍNH NGHĨA                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
  
 Số: ……/QĐ- CN                                                  *Quận 5, ngày  26  tháng  8 năm 2019*

**PHÂN CÔNG NHIÊM VỤ**

**Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai**  
**trong nhà trường năm học 2019 – 2020**

*(Kèm theo Quyết định số ……/QĐ-CN,ngày  26/8/2019 của HT trường TH Chính Nghĩa)*

Căn cứ Quyết định số ……/QT-CN, ngày 26/8/2019 của Hiệu trưởng trường tiểu học Chính Nghĩa về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Qui chế công khai trong nhà trường theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 và thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Hiệu trưởng ( Trưởng ban chỉ đạo) phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo như sau:

1/ *Ông* Trần Quang Nhiên Hiệu trưởng

2/ *Ông* Huỳnh Thế Nhã Phó Hiệu trưởng

3/ *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung Phó Hiệu trưởng

4/ *Bà* Trần Thị Cẩm Vân Kế toán

5/ *Ông* Nguyễn Minh Hiền Chủ tịch công đoàn cơ sở

6/ *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên Bí thư chi đoàn

7/ *Bà* Phan Thị Thu Linh Trưởng ban thanh tra nhân dân trường học

8/ *Bà* Nguyễn Thị Bảo Châu Thư ký hội đồng

1. *Ông* Trần Quang Nhiên - Hiệu trưởng- Trường ban: phụ trách chung.

2 . *Ông* Huỳnh Thế Nhã - Phó Hiệu trưởng – Phó trưởng ban: Phụ trách chính nội dung 2, công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

3. *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung -Phó Hiệu trưởng  – Phó trưởng ban: Phụ trách chính nội dung 1, công khai cam kết chất lượng giáo dục và giáo dục thực tế

4. *Bà* Trần Thị Cẩm Vân - Kế toán  – Thành viên: Phụ trách chính nội dung 3 công khai thu, chi tài chính.

5. *Ông* Nguyễn Minh Hiền - Chủ tịch công đoàn cơ sở – Thành viên: Phụ trách chính việc giám sát thực hiện kế hoạch, Quy chế công khai trong nhà trường theo quy định.  
6. *Bà* Nguyễn Thị Bảo Châu - Thư ký hội đồng : tổng hợp các biểu mẫu công khai; ghi biên bản niêm yết, Phụ trách chính việc niêm yết công khai theo quy định.

7. *Bà* Phan Thị Thu Linh - Trưởng ban thanh tra nhân dân trường học – Thành viên: Phụ trách chính việc kiểm tra, giám sát thực hiện kế hoạch, Quy chế công khai trong nhà trường theo quy định; Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiên Quy chế công khai cho CMHS và các thành viên thuộc khối 1; 2; 3.

8. *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên - Bí thư chi đoàn – Thành viên: Phụ trách công tác tuyên truyền chủ trương, kế hoạch, nội dung thực hiện Quy chế công khai cho CMHS và các thành viên thuộc khối 4; 5; tổ bộ môn; tổ văn phòng.

Yêu cầu các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công; chủ động liên hệ, trao đổi giữa các thành viên trong Ban chỉ đạo, xin ý kiến của đồng chí Trưởng ban để thống nhất nội dung công việc nhằm thực hiện tốt Quy chế công khai trong nhà trường đúng quy định./.

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO**

**Hiệu trưởng**

***Nơi nhận:***  
-Các thành viên BCĐ (t/h);  
-Lưu VT.

**Trần Quang Nhiên**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, tài chính.**

**(Lần 1)**

I. Thời gian: vào lúc 8 giờ, ngày 30 tháng 6 năm 2019

II. Địa điểm : tại  văn phòng Trường Tiểu học Chính Nghĩa

III. Thành phần tham dự :

1/ *Ông* Trần Quang Nhiên Hiệu trưởng

2/ *Ông* Huỳnh Thế Nhã Phó Hiệu trưởng

3/ *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung Phó Hiệu trưởng

4/ *Bà* Trần Thị Cẩm Vân Kế toán

5/ *Ông* Nguyễn Minh Hiền Chủ tịch công đoàn cơ sở

6/ *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên Bí thư chi đoàn

7/ *Bà* Phan Thị Thu Linh Trưởng ban thanh tra nhân dân trường học

8/ *Bà* Nguyễn Thị Bảo Châu Thư ký hội đồng

IV.Nội dung biên bản: Tiến hành niêm yết công khai nội dung các biểu mẫu theo thông tư  36

- Nội dung niêm yết; công khai biễu mẫu số: 05; 06;  07; 08. Theo thông tư 36

- Người niêm yết: Nguyễn Thị Bảo Châu

- Thời gian niêm yết: Kể từ ngày  1/6/2019 đến ngày 30/6/ 2019

Biên bản kết thúc lúc 8 giờ 30 phút cùng ngày.

**Thành phần tham dự                                                     Thư ký**

1/ *Ông* Trần Quang Nhiên

2/ *Ông* Huỳnh Thế Nhã

3/ *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung Nguyễn Thị Bảo Châu

4/ *Bà* Trần Thị Cẩm Vân

5/ *Ông* Nguyễn Minh Hiền

6/ *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên

7/ *Bà* Phan Thị Thu Linh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, tài chính.**

**(Lần 2)**

I. Thời gian: vào lúc 8 giờ, ngày 30 tháng 9 năm 2019

II. Địa điểm : tại  văn phòng Trường Tiểu học Chính Nghĩa

III. Thành phần tham dự :

1/ *Ông* Trần Quang Nhiên Hiệu trưởng

2/ *Ông* Huỳnh Thế Nhã Phó Hiệu trưởng

3/ *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung Phó Hiệu trưởng

4/ *Bà* Trần Thị Cẩm Vân Kế toán

5/ *Ông* Nguyễn Minh Hiền Chủ tịch công đoàn cơ sở

6/ *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên Bí thư chi đoàn

7/ *Bà* Phan Thị Thu Linh Trưởng ban thanh tra nhân dân trường học

8/ *Bà* Nguyễn Thị Bảo Châu Thư ký hội đồng

IV.Nội dung biên bản: Tiến hành niêm yết công khai nội dung các biểu mẫu theo thông tư 36 có bổ dung điều chỉnh

- Nội dung niêm yết; công khai biễu mẫu số: 05; 06;  07; 08. Theo thông tư 36

- Người niêm yết: Nguyễn Thị Bảo Châu

- Thời gian niêm yết: Kể từ ngày  1/9/2019 đến ngày 30/9/ 2019

Biên bản kết thúc lúc 8 giờ 30 phút cùng ngày.

**Thành phần tham dự                                                     Thư ký**

1/ *Ông* Trần Quang Nhiên

2/ *Ông* Huỳnh Thế Nhã

3/ *Bà* Đinh Thị Hồng Nhung Nguyễn Thị Bảo Châu

4/ *Bà* Trần Thị Cẩm Vân

5/ *Ông* Nguyễn Minh Hiền

6/ *Bà* Phạm Thị Ngọc Quyên

7/ *Bà* Phan Thị Thu Linh